



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901606

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hà Văn Cừ

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng	An	12/04/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài	Bảo	24/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
3	2010010050	Phan Quốc	Bảo	20/07/2002		8.0	Tám	C22TH2	
4	2010010041	Huỳnh Thiên	Bá	02/09/2002		8.0	Tám	C22TH2	
5	2010010031	Vân Tiên	Dũng	20/05/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
6	2010010044	Nguyễn Thùy	Dương	22/07/2002		7.0	Bảy	C22TH2	
7	2010010020	Huỳnh Văn	Đạt	14/01/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
8	2010010002	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	15/02/2001		8.0	Tám	C22TH1	
9	2010010030	Lê Chí	Đức	8/1/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
10	2010010015	Phan Nhật	Hào	23/04/2002		8.0	Tám	C22TH1	
11	2010010089	Bùi Việt	Hải	25/04/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH3	
12	2010010086	Phạm Đình	Hậu	02/12/2002		8.0	Tám	C22TH3	
13	2010010011	Hoàng Thanh	Hiên	14/01/2002		8.0	Tám	C22TH1	
14	2010010078	Lâm Trọng	Hiếu	02/05/2002		8.0	Tám	C22TH2	
15	2010010006	Nguyễn Bạch	Hóa	28/7/1999		7.0	Bảy	C22TH1	
16	2010010008	Dương Hoàng	Huy	12/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
17	2010010035	Trần Gia	Huy	05/04/2002		8.0	Tám	C22TH1	
18	2010010032	Tạ Quốc	Hùng	05/02/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH3	
19	2010010026	Nguyễn Trọng	Khang	11/02/2001		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
20	2010010004	Dương Hồng	Khánh	18/12/1997		8.0	Tám	C22TH1	
21	2010010023	Nguyễn Yên	Khoa	01/08/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
22	2010010092	Văn Khắc	Kiên	30/9/2002		7.0	Bảy	C22TH3	
23	2010010037	Nguyễn	Lâm	19/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
24	2010010018	Chu Tuấn	Linh	02/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
25	2010010001	Nguyễn Duy	Linh	22/02/2001		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
26	2010010007	Nguyễn Trần Trúc	Ly	18/5/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
27	2010010021	Nguyễn Văn	Mai	07/5/2002		8.0	Tám	C22TH1	
28	2010010049	Dương Trung	Nghĩa	20/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
29	2010010090	Hoàng Đức	Nghĩa	01/05/2002		8.0	Tám	C22TH3	
30	2010010016	Sơn Thanh	Nguyện	13/08/2002		8.0	Tám	C22TH1	
31	2010010005	Trần Yên	Nhi	10/12/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
32	2010010009	Lý Vỹ	Phát	14/10/2001		8.0	Tám	C22TH1	

ST	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010010042	Đình Chấn	Phong	08/09/2002		8.0	Tám	C22QT6	
34	2010010051	Trương Văn	Phương	3/1/1999		8.0	Tám	C22TH2	
35	2010010024	Cao Trịnh	Quang	10/08/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
36	2010010039	Trần Minh	Quốc	24/11/2002		7.0	Bảy	C22TH2	
37	2010010014	Hồ Trần	Quy	07/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
38	1910010046	Nguyễn Văn	Quy	19/12/2000		7.5	Bảy rưỡi	C21TH1	
39	2010010034	Nguyễn Ngọc	Tài	18/07/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
40	2010010046	Nguyễn Tấn	Tài	03/08/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
41	2010010047	Lê Châu	Tân	23/03/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
42	2010010012	Trần Minh	Thiện	14/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
43	2010010028	Nguyễn Thành	Thông	01/05/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
44	2010010010	Bùi Minh	Thuận	04/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
45	2010010091	Nguyễn Hữu	Trí	25/10/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH3	
46	2010010013	Nguyễn Thanh	Trí	29/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
47	2010010025	Thái Minh	Trí	23/03/2002		8.0	Tám	C22TH1	
48	2010010038	Ngô Minh	Trung	16/04/2002		8.0	Tám	C22TH2	
49	2010010022	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/06/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
50	2010010033	Phạm Cổ Hoàng	Vũ	30/11/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
51	2010010017	Son Ngọc Như	Ý	13/08/2002		8.0	Tám	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 51 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 4 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 5 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110901606

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hà Văn Cử

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
3	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002		8.0	Tám	C22TH2	
4	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002		8.0	Tám	C22TH2	
5	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
6	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002		7.0	Bảy	C22TH2	
7	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
8	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001		8.0	Tám	C22TH1	
9	2010010030	Lê Chí Đức	8/1/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
10	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002		8.0	Tám	C22TH1	
11	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH3	
12	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002		8.0	Tám	C22TH3	
13	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		8.0	Tám	C22TH1	
14	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002		8.0	Tám	C22TH2	
15	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/7/1999		7.0	Bảy	C22TH1	
16	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
17	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002		8.0	Tám	C22TH1	
18	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH3	
19	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
20	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		8.0	Tám	C22TH1	
21	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
22	2010010092	Văn Khắc Kiên	30/9/2002		7.0	Bảy	C22TH3	
23	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
24	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
25	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
26	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/5/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
27	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/5/2002		8.0	Tám	C22TH1	
28	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
29	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002		8.0	Tám	C22TH3	
30	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002		8.0	Tám	C22TH1	
31	2010010005	Trần Yến Nhi	10/12/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
32	2010010009	Lý Vy Phát	14/10/2001		8.0	Tám	C22TH1	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010010042	Đình Chấn Phong	08/09/2002		8.0	Tám	C22QT6	
34	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999		8.0	Tám	C22TH2	
35	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
36	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002		7.0	Bảy	C22TH2	
37	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
38	1910010046	Nguyễn Văn Quy	19/12/2000		7.5	Bảy rưỡi	C21TH1	
39	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
40	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
41	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH2	
42	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
43	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
44	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH1	
45	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22TH3	
46	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
47	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002		8.0	Tám	C22TH1	
48	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002		8.0	Tám	C22TH2	
49	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002		8.5	Tám rưỡi	C22TH1	
50	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002		7.0	Bảy	C22TH1	
51	2010010017	Son Ngọc Như Ý	13/08/2002		8.0	Tám	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 51 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày...01...tháng...11...năm...2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày...05...tháng...12...năm...2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: NV Bình Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
3	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH2	
4	2010010041	Huyền Thiên Bá	02/09/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH2	
5	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
6	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH2	
7	2010010020	Huyền Văn Đạt	14/01/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
8	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	[Signature]		6,0	Sau	C22TH1	
9	2010010030	Lê Chí Đức	8/1/2002	[Signature]		5,0	hạng	C22TH1	
10	2010010015	Phan Nhật Hà	23/04/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
11	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	[Signature]		8,0	hạng	C22TH3	
12	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	[Signature]		1,0	Một	C22TH3	
13	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	[Signature]		8,0	hạng	C22TH1	
14	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH3	
15	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/7/1999	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
16	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	[Signature]		5,0	hạng	C22TH1	
17	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH2	
18	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	[Signature]		6,0	Sau	C22TH1	
19	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
20	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002	[Signature]		8,0	hạng	C22TH1	
21	2010010092	Văn Khắc Kiên	30/9/2002	[Signature]		6,0	Sau	C22TH3	
22	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
23	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
24	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	[Signature]		5,0	hạng	C22TH1	
25	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/5/2002	[Signature]		8,0	hạng	C22TH1	
26	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/5/2002	[Signature]		5,0	hạng	C22TH1	
27	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	[Signature]		5,0	hạng	C22TH2	
28	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	[Signature]		5,0	hạng	C22TH3	
29	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
30	2010010005	Trần Yến Nhi	10/12/2002	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	
31	2010010009	Lý Võ Phát	14/10/2001	[Signature]		7,0	hạng	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 31 / 31 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 2 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Hoa Kim Cương



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Cao Thị Thuý Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Đình Ký tên:

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010042	Đình Chấn Phong	08/09/2002			6,0	Sau	C22QT6	
2	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999			6,0	Sau	C22TH2	
3	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002			5,0	Nếu	C22TH1	
4	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002			6,0	Sau	C22TH2	
5	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002			6,0	Sau	C22TH1	
6	1910010046	Nguyễn Văn Quy	19/12/2000			5,0	Nếu	C21TH1	
7	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002			5,0	Nếu	C22TH1	
8	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002			5,0	Nếu	C22TH2	
9	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002			7,0	Bay	C22TH2	
10	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002			5,0	Nếu	C22TH1	
11	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002			6,0	Sau	C22TH1	
12	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002			8,0	Sau	C22TH1	
13	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002			7,0	Từ	C22TH3	
14	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002			5,0	Nếu	C22TH1	
15	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002			6,0	Sau	C22TH1	
16	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002			7,0	Sau	C22TH2	
17	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002			8,0	Sau	C22TH1	
18	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002			6,0	Sau	C22TH1	
19	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002			7,0	Bay	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 19 /

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 11 Giờ thi: 1h30 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: Cao Thế Vinh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Văn Duy Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>[Signature]</u>		<u>6,0</u>	<u>Sau</u>	C22TH1	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)